TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2022/DS-PT

Ngày: 03-8-2022

V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và tranh chấp đòi lại tài sản là tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Mai Xuân Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2022/TBTL-TA ngày 23 tháng 5 năm 2022 về: "*Tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và tranh chấp đòi lại tài sản là tiền*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1937.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc B - sinh năm 1976 (theo hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 23/12/2019).

Cùng địa chỉ: Số 069, tổ dân phố 1, thị trấn S huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị N: Ông Nguyễn Trần Đ, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Hồ Ngọc L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V – sinh năm 1976;

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: 90E thị trấn S huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T: Ông Nguyễn Xuân V – sinh năm 1976;

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Hồ Thị Như Y, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Hồ Thị Ái N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ông Hồ Ngọc B, sinh năm 1976.
5. Chị Huỳnh Thị Kim O, 1982
6. Cháu Hồ Phi K, sinh năm 2008
7. Cháu Hồ Huy K, sinh năm 2013

Người đại diện hợp pháp của cháu Hồ Phi K, cháu Hồ Phi K: Ông Hồ Ngọc B, chị Huỳnh Thị Kim O.

Cùng địa chỉ: thị trấn S huyện T, tỉnQuảng Ngãi.

8. Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Canada

9. Chị Mai Thị Thu S, sinh năm 1986

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

**** Người kháng cáo:*** Ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Như T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/11/2019, ngày 12/5/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị N và đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Ngọc B trình bày:

Bà Lê Thị N và chồng là ông Hồ Ngọc T (chết ngày 22/11/2013) tạo lập được thửa đất số 448, tờ bản đồ số 14, tại tổ dân phố S thị trấn S huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, trên đất có 01 ngôi nhà cấp IVA do vợ chồng bà xây dựng và thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, tổ 14, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà cấp IVA do vợ chồng bà xây dựng năm 1973.

Bà và ông T sinh được 06 người con là ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N và ông Hồ Ngọc B. Trước khi chết ông Hồ Ngọc T không để lại di chúc.

Khi các con trưởng thành lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng chỉ còn lại con út là ông Hồ Ngọc B cùng sinh sống và chăm sóc cha mẹ. Khi ở cùng thì ông B và vợ không có đóng góp công sức gì đối với tài sản chung và những người

con khác cũng không có đóng góp công sức để duy trì khối tài sản chung. Từ khi chồng bà là ông Hồ Ngọc T chết vào ngày 22/11/2013 đến nay thì bà ở tại thửa đất 448 cùng vợ chồng ông Hồ Ngọc B. Nhiều lần họp gia đình bà có ý kiến phân chia tài sản thừa kế của ông T để tiện cho việc sửa sang lại nhà cửa và tặng cho các con, nhưng con bà là ông Hồ Ngọc L không đồng ý và không đưa ra việc giải quyết một cách rõ ràng. Bà đã nhiều lần đưa ý kiến việc tách thửa đất số 448, nhưng ông Hồ Ngọc L cũng không đồng ý nên quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Tòa án công nhận ½ thửa đất số 448, tờ bản đồ số 14, tổ dân phố S thị trấn S huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cùng ½ tài sản là căn nhà trên đất và ½ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, tổ 14, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cùng ½ tài sản là căn nhà trên đất là tài sản của bà.

Phân chia di sản thừa kế của ông Hồ Ngọc T để lại là ½ quyền sử dụng thửa đất số 448, tờ bản đồ số 14, tổ dân phố S thị trấn S huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và ½ quyền sử dụng thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, tổ 14, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho các đồng thừa kế là bà (Lê Thị N), bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N và ông Hồ Ngọc B.

Về tài sản là căn nhà gắn liền với thửa đất số 448, và căn nhà gắn liền với thửa đất số 118, bà đề nghị giao cho bà, bà hoàn trả giá trị ½ căn nhà cho các đồng thừa kế. Tại phiên tòa thì ông Hồ Ngọc B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý đối với thửa 118 thì đồng ý giao đất và nhà cho các bà Hồ Thị T, Hồ Thị Thu T, Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc B và bà Hồ Thị T, Hồ Thị Thu T, Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc B cùng phải trả lại kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị N và cho ông.

Thửa đất 118, bà nhờ con là bà Hồ Thị Ái N đứng tên ký hợp đồng cho bên thuê là bà Mai Thị Thu S. Toàn bộ số tiền thuê nhà từ năm 2018 đến nay sử dụng để chi tiêu cho cá nhân bà mua thuốc thang đau yếu tuổi già.

Chồng bà có viết một lá thư đề cập mượn 50.000.000đ của bà Hồ Thị Thu T để cho bà N làm nhà, nhưng sau đó bà T không cho chồng bà mượn, chồng bà không đưa khoản tiền nào cho bà N làm nhà. Ngoài lá thư gửi cho bà T không có giấy tờ nào xác nhận việc chồng bà mượn tiền của bà T.

Tại các bản trình bày ngày 20/12/2019, ngày 18/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc B trình bày:

Ông thống nhất với việc khởi kiện và khởi kiện bổ sung của mẹ ông là bà Lê Thị N.

Khi các anh chị em ông trưởng thành lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng chỉ còn lại ông là con út nên cùng sinh sống và chăm sóc cha mẹ. Khi ở cùng thì ông, vợ ông là bà Huỳnh Thị Kim O và các con Hồ Phi K, Hồ Huy K không có đóng góp công sức gì đối với tài sản chung của cha mẹ ông, chỉ chăm sóc tuổi già cho mẹ khi đau ốm.

Mẹ ông đã nhiều lần yêu cầu gia đình họp bàn để phân chia tài sản trong gia đình cho con cái, nhưng đều không thực hiện được vì các chị không đồng ý, ông L ở gần nhưng không ý kiến gì. Trong gia đình chưa có cuộc họp chính thức nào về phân chia tài sản, chỉ có nói chuyện qua lại, việc ông Hồ Ngọc L khi nói chuyện rồi tự ghi âm thì ông không biết.

Ông đề nghị phần mà ông được hưởng thừa kế trong số tài sản của cha ông để lại là ½ thửa đất số 448, ½ giá trị căn nhà trên đất và ½ thửa đất 118, ½ giá trị căn nhà trên đất thì ông đề nghị Tòa án chuyển kỷ phần thừa kế của ông được hưởng cho mẹ ông là bà Lê Thị N.

Ông thừa nhận lá thư của cha ông viết gửi cho bà T ghi ngày 17/8/2002, trong thư cha ông có đề nghị bà T cho mượn 50.000.000đ, tương đương 4.000 Đô la Mỹ hoặc 6.000 Đô la Canada để cho bà N làm nhà, nhưng sau đó bà N đã có tiền làm nhà nên không mượn của bà T. Cha ông cũng không có nhận tiền của bà T gửi về cho bà N mượn làm nhà.

Tại bản trình bày đề ngày 24/12/2019, ngày 10/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ái N trình bày:

Bà thống nhất với việc khởi kiện của bà Lê Thị N. Về đóng góp tạo lập, duy trì khối tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 448 của cha mẹ bà thì khi bà trưởng thành bà lấy chồng ra ở riêng, bà không đóng góp công sức gì để duy trì khối tài sản chung của cha mẹ bà.

Bà không tham gia cuộc họp vào tối ngày 17/7/2018 tại nhà bà Hồ Thị T. Gia đình cũng đã có nhiều cuộc họp để bàn việc giải quyết đất đai trong gia đình nhưng anh chị em không đồng ý tách thửa đất số 448.

Đối với phần bà được hưởng thừa kế tài sản của cha bà để lại là ½ thửa đất số 448 và ½ giá trị căn nhà trên đất thì bà đề nghị Tòa án chuyển kỷ phần thừa kế của bà được hưởng cho mẹ bà là bà Lê Thị N.

Kỷ phần mà bà được hưởng thừa kế tài sản của cha bà để lại là ½ giá trị căn nhà trên đất và ½ thửa đất 118 thì bà đề nghị được nhận kỷ phần này.

Cha bà là ông Hồ Ngọc T (tên gọi khác là Bình) có viết 01 lá thư đề cập mượn 50.000.000đ của bà Hồ Thị Thu T để cho bà làm nhà, nhưng sau đó bà đã có đủ tiền làm nhà nên bà không nhận từ cha bà khoản tiền nào để làm nhà. Bà T không cho cha bà mượn tiền để bà làm nhà.

Tại bản trình bày đề ngày 20/12/2019, ngày 18/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim O trình bày:

Bà là con dâu của bà Lê Thị N, bà kết hôn với ông Hồ Ngọc B và về chung sống với bà N nên việc khởi kiện của mẹ chồng bà thì bà không rõ.

Về đóng góp tạo lập, duy trì khối tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 448, thửa đất số 118 của cha mẹ chồng bà thì bà, chồng bà và các con Hồ Phi K, Hồ Huy K không đóng góp công sức gì để duy trì khối tài sản chung của cha mẹ chồng bà, chỉ chăm sóc tuổi già cho cha mẹ khi đau ốm.

Bà đề nghị Tòa án không đưa bà và các con bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì bà không liên quan đến vụ án này. Bà không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì thêm.

Tại đơn kiến nghị đề ngày 20/12/2019, đơn trình bày ý kiến ngày 10/4/2021, ngày 22/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Như Y trình bày:

Đối với thửa đất 448, bà thống nhất để ông Hồ Ngọc B được tiếp tục sử dụng và có trách nhiệm chăm sóc mẹ bà khi còn sống. Khi mẹ bà qua đời vẫn tiếp tục giao cho vợ chồng ông B sử dụng chăm sóc căn nhà trên vào mục đích là nhà thờ chung của anh chị em bà. Nếu tòa án thực hiện việc chia thừa kế thửa đất 448 thì bà yêu cầu được nhận di sản thừa kế, không nhận tiền, nếu đất chia không đủ để cấp giấy chứng nhận thì phần đất của bà sẽ nhập với phần đất của bà Hồ Thị T để thành tài sản chung với bà T. Trên thửa đất 448 có tài sản của cha bà để lại, nếu là di sản thừa kế đề nghị Tòa án xem xét giải quyết triệt để.

Đối với thửa 118 cấp cho hộ ông Hồ Ngọc T, bà có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy, bà không yêu cầu chia.

Tại đơn kiến nghị đề ngày 17/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T, người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Xuân Vũ trình bày:

Bà không đồng ý chia thửa 448 mà để ông Hồ Ngọc B được tiếp tục sử dụng nhà và đất nói trên, ông B có trách nhiệm chăm sóc mẹ bà khi còn sống. Khi mẹ bà qua đời vẫn tiếp tục giao cho vợ chồng ông B sử dụng chăm sóc căn nhà trên vào mục đích là nhà thờ chung của anh chị em bà. Bà không đồng ý chia thửa 118.

Bà xác nhận có việc ông Hồ Ngọc T mượn của bà Hồ Thị Thu T số tiền 6.000 Đô la Canada, ông T nhận số tiền này đưa cho bà T, chứng cứ bà chứng minh là lá thư mượn tiền, bản gốc của ông T gửi cho bà T.

Tại đơn đề nghị ngày 16/3/2021, tại các đơn trình bày, đơn yêu cầu độc lập, bà Hồ Thị Thu T trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, tài sản bà thống nhất để lại để làm tài sản chung và dùng để thờ cúng. Nếu nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản thì bà không yêu cầu cấn trừ phần ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà 6.000 Đô la Canada. Nếu nguyên đơn vẫn còn yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế của ông T thì bà yêu cầu khi chia phải cấn trừ phần nghĩa vụ ông T phải trả nợ cho bà 6.000 Đô la Canada, là số tiền vào năm 2002 bà cho ông T mượn để ông T đưa cho bà N làm nhà theo nội dung lá thư ông T gửi cho bà ngày 17/8/2002. Khi Tòa án phân chia di sản thừa kế thì bà yêu cầu được nhận đất, phần của bà gộp vào phần bà Hồ Thị T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y để làm nhà thờ cúng.

Tại bản tự khai đề ngày 24/02/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị Thu S trình bày:

Ngày 01/01/2018 chị có thuê nhà tại địa chỉ số 936 đường Quang Trung, thành phố Q theo hợp đồng số 01/HĐTNO để kinh doanh cà phê, hợp đồng có thời hạn 05 năm (từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2022).

Số tiền đầu tư thiết kế và xây dựng quán là 170.000.000 đồng. Số tiền thuê nhà mỗi tháng 5.000.000 đồng, chị đã thanh toán 42 tháng (ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2021) tổng cộng là 210.000.000 đồng. Dù kết quả phiên tòa sơ thẩm như thế nào, đề nghị Tòa án xem xét cho chị được tiếp tục thuê nhà đến hết thời hạn theo hợp đồng thuê nhà ở số 01/HĐTNO ngày 01/01/2018.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, 153, 157, 165, 189, 201, 227, khoản 2 Điều 244, 476, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, 219, 365, 366, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị N.

- Xác định phần tài sản của bà Lê Thị N trong phần tài sản chung với ông Hồ Ngọc T là ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản trên đất (nhà, công trình kiến trúc, cây cối) thuộc thửa đất số 448, tờ bản đồ số 14, diện tích 378,2m^2 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2011 cho ông Hồ Ngọc T; ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản là nhà trên đất thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, diện tích 89,6m^2 được UBND thị xã Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2003 cho hộ ông Hồ Ngọc T, có giá trị là 3.697.797.000đ. Phần còn lại là ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản trên đất (nhà, công trình kiến trúc, cây cối) thuộc thửa đất số 448; ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản là nhà trên đất thuộc thửa đất số 118 là di sản của ông Hồ Ngọc T, có giá trị là 3.697.797.000đ.

- Phần di sản của ông T được chia cho 07 kỷ phần thừa kế là bà Lê Thị N, bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N, ông Hồ Ngọc B. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần có giá trị là 528.256.714đ.

2. Giao toàn bộ tài sản trên đất và thửa đất số 448 cho bà Lê Thị N quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản. Bà Lê Thị N được quyền đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất (*có sơ đồ kèm theo bản án*).

Bà Lê Thị N phải trả lại giá trị kỷ phần được hưởng về tài sản và đất của thửa 448 cho bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L, mỗi người số tiền là 314.120.714đ.

3. Giao thửa đất số 118 và ngôi nhà trên thửa đất số 118 cho các bà Hồ Thị T, Hồ Thị Thu T, Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L cùng quản lý, sở hữu. Bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L được cùng đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất (*có sơ đồ kèm theo bản án*).

Bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L phải trả lại giá trị kỷ phần được hưởng về tài sản và đất của thửa 118 cho bà Lê Thị N (đã có phần ông Hồ Ngọc B giao cho bà N), bà Hồ Thị Ái N, cụ thể:

- Tuyên buộc bà Hồ Thị T phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 481.806.000đ và trả cho bà Hồ Thị Ái N số tiền là 53.534.000đ.

- Tuyên buộc bà Hồ Thị Thu T phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 481.806.000đ và trả cho bà Hồ Thị Ái N số tiền là 53.534.000đ.

- Tuyên buộc bà Hồ Thị Như Y phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 481.806.000đ và trả cho bà Hồ Thị Ái N số tiền là 53.534.000đ.

- Tuyên buộc ông Hồ Ngọc L phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 481.806.000đ và trả cho bà Hồ Thị Ái N số tiền là 53.534.000đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị Thu T yêu cầu khi giải quyết về chia thừa kế tài sản thì cấn trừ nghĩa vụ trả nợ mà ông T phải thực hiện để trả cho bà số tiền 6.000 Đô la Canada, tương đương số tiền 104.286.000đ Việt Nam.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền lãi của bà Hồ Thị Thu T số tiền là 178.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

- Ngày 31/12/2021, bà Hồ Thị T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm:

- Chia một phần thửa đất số 448 để xây dựng nơi thờ cúng.

- Giao nhà đất tại thửa đất số 118 cho bà Lê Thị N, đề nghị hưởng di sản thừa kế bằng tiền đối với thửa đất số 118, không nhận hiện vật.

- Ngày 31/12/2021, ông Hồ Ngọc L nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm:

- Tính công sức đóng góp tôn tạo đối với thửa đất và ngôi nhà tại thửa đất số 448.

- Hưởng di sản thừa kế bằng tiền đối với thửa đất số 118, ông L không nhận nhà như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Đề nghị Tòa xem xét tư cách đương sự trong vụ án, ông L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không phải là bị đơn trong vụ án.

- Ngày 07/01/2022, bà Hồ Thị Như Y nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu:

- Chia một phần thửa đất số 448 để xây dựng nơi thờ cúng.

- Giao nhà đất tại thửa đất số 118 cho bà Lê Thị N, đề nghị hưởng di sản thừa kế bằng tiền đối với thửa đất số 118, không nhận hiện vật.

- Ngày 17/01/2022, bà Hồ Thị Thu T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu:

- Chia một phần thửa đất số 448 để xây dựng nơi thờ cúng.

- Hưởng di sản thừa kế bằng tiền đối với thửa đất số 118, không nhận hiện vật.

- Yêu cầu triệu tập ông Trần Trường An và bà Nguyễn Thị Tuyết để làm rõ việc chuyển tiền cho ông Hồ Ngọc T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hồ Thị T, ông Hồ Ngọc L do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân Vũ vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Đối với kháng cáo của bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Vợ chồng ông Hồ Ngọc T, bà Lê Thị N sinh được 6 người con gồm: bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N, ông Hồ Ngọc B. Ông Hồ Ngọc T chết năm 2013, không để lại di chúc.

[2] Vợ chồng ông T tạo lập được 2 thửa đất, trên đất có nhà của vợ chồng ông T, gồm:

a. Thửa đất số 448, tờ bản đồ số 14, diện tích 378,2m^2 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2011 cho ông Hồ Ngọc T (thửa đất số 448).

b. Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, diện tích 89,6m^2 được UBND thị xã Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2003 cho hộ ông Hồ Ngọc T (thửa đất số 118).

[3] Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chia tài sản chung của bà N với ông T là thửa đất và ngôi nhà trên đất thuộc thửa đất số 448; thửa đất và ngôi nhà trên đất thuộc thửa đất 118 và áp dụng các Điều 612, 613, 649, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015, chia thừa kế phần di sản của ông T là ½ quyền sử dụng đất thửa đất số 448, ½ tài sản là nhà trên thửa đất 448; ½ quyền sử dụng đất thửa đất số 118, ½ tài sản là nhà trên thửa đất 118 cho các đồng thừa kế là bà N và các con của ông T, bà N là có căn cứ.

[4] Về giá trị di sản:

- Thửa đất 448 đo đạc thực tế có diện tích 370,8m^2 đất ở, có giá trị là: 3.564.514.136đ (370,8m^2 × 9.613.037đ/m^2). Giá trị tài sản trên đất là 833.175.864đ, tổng giá trị tài sản và đất tại thửa 448 là 4.397.690.000đ (1).

- Thửa đất 118 đo đạc thực tế có diện tích 89,6m^2 đất ở, giá trị đất là 2.600.569.849đ, giá trị ngôi nhà trên đất là 397.334.151đ, tổng giá trị nhà và đất tại thửa đất 118 là 2.997.904.000đ (2).

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông T là: (1) + (2) = 7.395.594.000đ. Xác định bà N được hưởng ½ tài sản chung, có giá trị là 3.697.797.000đ. Phần của ông T ½ là 3.697.797.000đ. Phần của ông T được

chia cho 07 kỷ phần thừa kế là bà Lê Thị N, bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N, ông Hồ Ngọc B. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần có giá trị là 528.256.714đ.

[5] Về chia thừa kế nhà đất tại thửa 448 có giá trị 4.397.690.000đ:

Phần tài sản của ông T, bà N, mỗi người có giá trị là 2.198.845.000đ. Giá trị tài sản của ông T chia cho 07 phần, mỗi người được chia có giá trị là 314.120.714đ. Phần ông B, bà N giao cho bà N nên bà N được nhận là 3.141.207.142đ.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản trên đất và thửa đất số 448 cho bà Lê Thị N quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản là có căn cứ. Giá trị bà N được nhận là 3.141.207.142đ. Bà N phải trả lại kỷ phần cho các bà T, Y, T, ông L mỗi người số tiền là 314.120.714đ; kỷ phần của ông B, bà N đã giao cho bà N.

[7] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y yêu cầu chia một phần thửa đất số 448 để làm nhà thờ cúng: hiện nay bà Lê Thị N đang còn sống nên yêu cầu kháng cáo này không có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y yêu cầu nhận giá trị bằng tiền đối với thửa đất số 118: các ông bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L có nguyện vọng nhận giá trị bằng tiền đối với thửa đất số 118. Xét nhà đất tại thửa đất số 118 hiện do bà Lê Thị N đang quản lý, nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các đương sự yêu cầu nhận thừa kế giá trị bằng tiền, giao cho bà N quản lý sử dụng nhà đất tại thửa đất số 118, bà N có nghĩa vụ thối trả cho các đồng thừa kế khác. Cụ thể, bà N phải thối trả cho các ông bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Ái N, ông Hồ Ngọc B mỗi người số tiền: 214.136.000đ (thửa đất số 118).

[9] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Thu T yêu cầu triệu tập ông Trần Trường An và bà Nguyễn Thị Tuyết để làm rõ việc chuyển tiền cho ông Hồ Ngọc T là không có cơ sở chấp nhận vì Ngân hàng X – Chi nhánh huyện T đã có văn bản gởi cho Tòa án xác định không có tài liệu lưu trữ tại Ngân hàng thể hiện người gửi là bà Hồ Thị Thu T, người nhận là ông Hồ Ngọc T số tiền 6.000 Đô la Canada trong thời gian từ tháng 8/2002 đến tháng 10/2002.

[10] Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T và ông Hồ Ngọc L là ông Nguyễn Xuân Vũ vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hồ Thị T và kháng cáo của ông Hồ Ngọc L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hồ Thị T và kháng cáo của ông Hồ Ngọc L;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 213, 219, 365, 366, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị N.

- Xác định phần tài sản của bà Lê Thị N trong phần tài sản chung với ông Hồ Ngọc T là ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản trên đất (nhà, công trình kiến trúc, cây cối) thuộc thửa đất số 448, tờ bản đồ số 14, diện tích 378,2m^2 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2011 cho ông Hồ Ngọc T; ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản là nhà trên đất thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, diện tích 89,6m^2 được UBND thị xã Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2003 cho hộ ông Hồ Ngọc T, có giá trị là 3.697.797.000đ. Phần còn lại là ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản trên đất (nhà, công trình kiến trúc, cây cối) thuộc thửa đất số 448; ½ quyền sử dụng đất và ½ tài sản là nhà trên đất thuộc thửa đất số 118 là di sản của ông Hồ Ngọc T, có giá trị là 3.697.797.000đ.

- Phần di sản của ông T được chia cho 07 kỷ phần thừa kế là bà Lê Thị N, bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N, ông Hồ Ngọc B. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần có giá trị là 528.256.714đ.

2. Phân chia di sản:

a. Giao toàn bộ tài sản trên đất và thửa đất số 448 cho bà Lê Thị N quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản.

Bà Lê Thị N có trách nhiệm thối trả giá trị kỷ phần được hưởng về tài sản và đất của thửa đất số 448 cho bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L, mỗi người số tiền: 314.120.714đ.

b. Giao toàn bộ tài sản trên đất và thửa đất số 118 cho bà Lê Thị N quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản.

Bà Lê Thị N có trách nhiệm thối trả giá trị kỷ phần được hưởng về tài sản và đất của thửa đất số 118 cho bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Ái N, ông Hồ Ngọc B, mỗi người số tiền: 214.136.000đ.

c. Bà Lê Thị N được quyền đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất (*có sơ đồ kèm theo bản án*).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị Thu T yêu cầu khi giải quyết về chia thừa kế tài sản thì cấn trừ nghĩa vụ trả nợ mà ông T phải

thực hiện để trả cho bà số tiền 6.000 đô la Canada, tương đương số tiền 104.286.000đ Việt Nam.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền lãi của bà Hồ Thị Thu T số tiền là 178.000.000đ.

5. Về chi phí tố tụng chia thừa kế: Tổng cộng là 40.692.835đ.

- Bà Lê Thị N phải chịu 23.262.000đ

- Bà Hồ Thị T phải chịu 2.905.000đ

- Bà Hồ Thị Thu T phải chịu 2.905.000đ

- Ông Hồ Ngọc L phải chịu 2.905.000đ

- Bà Hồ Thị Như Y phải chịu 2.905.000đ

- Bà Hồ Thị Ái N phải chịu 2.905.000đ

Số tiền chi phí tố tụng (40.692.835đ) ông Hồ Ngọc B đã nộp tạm ứng xong. Buộc bà Lê thị N phải trả lại cho ông Hồ Ngọc B số tiền là 23.262.000đ. Các bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị Thu T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N mỗi người phải trả lại cho ông Hồ Ngọc B số tiền là 2.905.000đ.

- Chi phí tố tụng (chi phí bưu chính) về yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị Thu T là 5.346.566đ, bà T phải chịu chi phí số tiền này. Số tiền này do ông Hồ Ngọc B đã nộp tạm ứng xong, nên bà T phải trả cho ông Hồ Ngọc B số tiền là 5.346.566đ.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị T, ông Hồ Ngọc L, bà Hồ Thị Như Y, bà Hồ Thị Ái N, ông Hồ Ngọc B mỗi người phải chịu án phí số tiền là 25.130.269đ.

- Bà Hồ Thị Thu T phải chịu án phí số tiền là 25.130.269đ và án phí (đối với yêu cầu đòi lại tài sản không được chấp nhận) số tiền là 5.214.300đ, tổng cộng là 30.344.569đ. Khấu trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng án phí là 7.142.500đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007924 ngày 19/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (bà Hồ Thị T nộp thay). Bà Hồ Thị Thu T còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí còn thiếu là 23.202.069đ.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Như Y tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, mỗi người 300.000đ đã nộp tại các biên lai số 0000699 ngày 26/01/2022, biên lai số 0002279 ngày 17/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- Sung vào công quỹ nhà nước tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của bà Hồ Thị T, ông Hồ Ngọc L, mỗi người 300.000đ đã nộp tại các biên lai số 0002251 ngày 07/02/2022, biên lai số 0002252 ngày 07/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- L HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự